

Số: 1523 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế chi tiêu áp dụng tại Sở Tài chính đối với công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác theo quy định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1717/TTr-STC ngày 29/6/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu áp dụng tại Sở Tài chính đối với công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác theo quy định.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Bình Phước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, PCT;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT. (11Thg-02/7) *ac*



*Trần Văn Mi*

## **QUY CHẾ**

**Chi tiêu áp dụng tại Sở Tài chính đối với công tác thẩm tra,  
phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn  
nhà nước và các nguồn vốn khác theo quy định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1523 /QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế chi tiêu áp dụng tại Sở Tài chính đối với công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành là Sở Tài chính tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán) theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 8 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

#### **Điều 2. Mục tiêu thực hiện Quy chế**

1. Chủ động trong việc quản lý, sử dụng kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong việc quản lý, sử dụng kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

3. Là cơ sở để cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, Kho bạc nhà nước tỉnh và các cơ quan có liên quan trong việc sử dụng nguồn thu và thanh, quyết toán khoản chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

4. Khuyến khích, động viên công chức tham gia công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với mục tiêu đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định. Đồng thời, tăng



thêm thu nhập và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **Điều 3. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện Quy chế**

1. Căn cứ xây dựng mức thu và nội dung chi phải đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và đặc điểm tình hình của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan để xây dựng dự toán hàng năm cho phù hợp.

3. Tại cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện mở sổ kế toán để theo dõi, quản lý nguồn kinh phí do các chủ đầu tư thanh toán; đáp ứng yêu cầu chi cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các đơn vị khác có liên quan đến công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; lưu giữ chứng từ và báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Mức thu kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

1. Mức thu kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng và tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được duyệt hoặc điều chỉnh tại dự án hoặc dự toán (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối đa theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi nhận được hồ sơ trình duyệt quyết toán do chủ đầu tư gửi tới.

Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh tại dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, trên cơ sở chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh tại dự án hoặc

dự toán (nếu có), chủ đầu tư đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

3. Đối với dự án đã hoàn thành và đã có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án nhưng chưa được bố trí đầy đủ vốn của tổng mức đầu tư được phê duyệt: Sau khi được bố trí kế hoạch vốn bổ sung, chủ đầu tư căn cứ Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt kế hoạch vốn bổ sung.

## **Điều 5. Nội dung, tỷ lệ và mức chi**

### **1. Nội dung chi**

Nội dung chi cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán được thực hiện theo quy định tại tiết b khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.
- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.
- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.
- Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.

### **2. Tỷ lệ chi**

Tỷ lệ chi cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (tính theo phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán đã thu được) được phân bổ theo tỉ lệ như sau:

a) Chi thành viên trực tiếp tham gia thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Tối đa không quá 40%.

- Chi thành viên trực tiếp tham gia thẩm tra hoặc Tổ công tác thẩm tra quyết toán (trong trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán): Tối đa không quá 25%.

- Chi lãnh đạo, thành viên trực tiếp tham mưu, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Tối đa không quá 15% kinh phí thẩm tra thu được theo thẩm quyền, phân cấp phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

b) Chi cho công tác phối hợp và chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn: Tối đa không quá 20%.



- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn (nếu có).

- Chi công tác phối hợp đối với các cơ quan: Kho bạc nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Chi hỗ trợ công chức có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phụ cấp kế toán tại cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

- Chi thuê tư vấn, chuyên gia trước khi thẩm tra quyết toán (trong trường hợp cần thiết).

c) Chi công tác phí, văn phòng phẩm, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ trực tiếp công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán: Tối đa không quá 20%.

d) Khoản kinh phí còn lại ngoài các nội dung chi nêu tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này: Chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.

### **3. Mức chi**

Đối với những nội dung chi có định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thực hiện theo quy định; đối với những nội dung chưa có quy định thì căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, thủ trưởng cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán quyết định chi cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **Điều 6. Thanh quyết toán**

Thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Các nội dung khác chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.